UBND TỈNH TUYÊN QUANG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

Số: 667/QĐ-ĐHTTr

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tân Trào

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31/5/20217 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư 17/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tân Trào ban hành kèm theo Quyết định số 25/QĐ-ĐHTTr ngày 06 tháng 01 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tân Trào.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Những Quy định trước đây trái với Quy chế này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Trưởng các đơn vị công tác và sinh viên của Trường Đại học Tân Trào chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Lãnh đạo trường;
- Như Điều 3 (t/h);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

PGS.TS. Nguyễn Bá Đức

QUY CHẾ

Đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tân Trào

(*Ban hành kèm theo Quyết định số 667 /QĐ-ĐHTTr ngày 25/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào*)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học bao gồm: chương trình đào tạo và thời gian học tập; hình thức và phương thức tổ chức đào tạo; lập kế hoạch và tổ chức giảng dạy; đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp; những quy định khác đối với sinh viên.

Điều 2. Chương trình đào tạo và thời gian học tập

1. Chương trình đào tạo được xây dựng theo đơn vị tín chỉ, cấu trúc từ các môn học hoặc học phần (sau đây gọi chung là học phần), trong đó phải có đủ các học phần bắt buộc và đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong trường hợp đào tạo song ngành hoặc ngành chính - ngành phụ, chương trình đào tạo phải thể hiện rõ khối lượng học tập chung và riêng theo từng ngành.

Khối lượng học tập của một chương trình đào tạo đại học tối thiểu là 120 tín chỉ, cộng với khối lượng tín chỉ giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành; Khối lượng học tập tối thiểu đối với các chương trình đào tạo song ngành phải cộng thêm 30 tín chỉ, đối với chương trình đào tạo ngành chính - ngành phụ phải cộng thêm 15 tín chỉ so với chương trình đào tạo đơn ngành tương ứng.

2. Nội dung, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo áp dụng chung đối với các hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đối tượng người học khác nhau. Đối với người đã tốt nghiệp trình độ khác hoặc ngành khác, khối lượng học tập thực tế được xác định trên cơ sở công nhận, hoặc chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy và miễn trừ học phần trong chương trình đào tạo trước.

3. Chương trình đào tạo được công khai đối với người học trước khi tuyển sinh và khi bắt đầu khóa học; những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố trước khi áp dụng, không gây tác động bất lợi cho sinh viên.

4. Đối với mỗi hình thức đào tạo, chương trình đào tạo cần cung cấp kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá để định hướng cho sinh viên.

a) Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá đối với hình thức đào tạo chính quy phải phù hợp với thời gian quy định trong khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, đồng thời đảm bảo đa số sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo.

b) Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học dài hơn tối thiểu 20% so với hình thức đào tạo chính quy của cùng chương trình đào tạo.

5. Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khoá học không vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá của từng chương trình. Đối với sinh viên học liên thông đã được miễn trừ khối lượng tín chỉ tích lũy, thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học được xác định trên cơ sở thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá giảm tương ứng với khối lượng được miễn trừ.

Điều 3. Học phần và tín chỉ

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích luỹ trong quá trình học tập. Học phần có khối lượng tối thiểu 02 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần phải được ký hiệu bằng một mã số riêng thống nhất trong toàn trường.

2. Có các loại học phần sau:

a) Học phần bắt buộc: là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy.

b) Học phần tự chọn: là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của Trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tuỳ ý để tích luỹ đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

c) Học phần tương đương: Một học phần được gọi là tương đương với học phần A khi có nội dung kiến thức và thời lượng đáp ứng yêu cầu cơ bản của học phần A. Người học được chọn học một học phần tương đương để lấy kết quả thay cho một học phần yêu cầu trong chương trình.

d) Học phần thay thế: là học phần được sử dụng để thay thế cho một học phần đã được thay đổi hoặc điều chỉnh, không còn tổ chức giảng dạy trong chương trình. Người học được phép học một học phần thay thế được chỉ định để lấy kết quả thay cho một học phần yêu cầu trong chương trình đào tạo nhưng không còn được giảng dạy;

e) Học phần tiên quyết: Học phần A là học phần tiên quyết của học phần B nghĩa là khi sinh viên muốn đăng ký học phần B thì phải đăng ký học và thi đạt học phần A.

3. Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

Điều 4. Phương thức tổ chức đào tạo

1. Nhà trường thực hiện phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Trường.

2. Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy.

3. Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

Điều 5. Hình thức đào tạo

1. Đào tạo chính quy:

a) Các hoạt động giảng dạy được tổ chức thực hiện tại các cơ sở đào tạo của Trường Đại học Tân Trào, riêng những hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến có thể thực hiện ngoài trường.

b) Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy trong khoảng từ 06 giờ đến 20 giờ các ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 7; thời gian tổ chức một số hoạt động đặc thù của chương trình đào tạo được thực hiện theo quyết định của Hiệu trưởng.

2. Đào tạo vừa làm vừa học:

a) Các hoạt động giảng dạy được thực hiện tại Trường Đại học Tân Trào hoặc tại cơ sở phối hợp đào tạo, theo quy định liên kết đào tạo tại Điều 6 của Quy chế này, riêng những hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến có thể thực hiện ngoài Trường Đại học Tân Trào và cơ sở phối hợp đào tạo.

b) Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy linh hoạt trong ngày và trong tuần.

Điều 6. Liên kết đào tạo

1. Liên kết đào tạo chỉ thực hiện đối với hình thức vừa làm vừa học theo quy định tại khoản 22 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này. Không thực hiện việc liên kết đào tạo đối với các ngành thuộc lĩnh vực sức khoẻ có cấp chứng chỉ hành nghề.

2. Các yêu cầu tối thiểu của Nhà trường để thực hiện liên kết đào tạo:

a) Đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục đại học bởi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hợp pháp và còn hiệu lực theo quy định.

b) Chương trình đào tạo dự kiến liên kết đào tạo đã được tổ chức thực hiện tối thiểu 03 khoá liên tục theo hình thức chính quy; từ khóa tuyển sinh năm 2024 yêu cầu chương trình đào tạo đã được công nhận đạt chuẩn chất lượng theo quy định hiện hành.

c) Bảo đảm đội ngũ giảng viên cơ hữu giảng dạy tối thiểu 70% nội dung, khối lượng chương trình đào tạo.

d) Đã thẩm định các điều kiện bảo đảm chất lượng của cơ sở phối hợp đào tạo.

3. Các yêu cầu tối thiểu của cơ sở phối hợp đào tạo:

a) Đáp ứng các yêu cầu về môi trường sư phạm, cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện và cán bộ quản lý theo yêu cầu của chương trình đào tạo.

b) Đã có báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục gửi về cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; từ khóa tuyển sinh năm 2024 yêu cầu đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục theo quy định hiện hành.

4. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết đào tạo:

a) Trường Đại học Tân Trào và cơ sở phối hợp đào tạo chịu trách nhiệm ký kết hợp đồng liên kết đào tạo, thỏa thuận cụ thể về quyền và trách nhiệm của các bên trong việc phối hợp tổ chức thực hiện, quản lý quá trình dạy học bảo đảm chất lượng đào tạo và thực hiện nội dung đã thỏa thuận phù hợp với các quy định của Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Trường Đại học Tân Trào chịu trách nhiệm quản lý chất lượng đào tạo; báo cáo hoạt động liên kết đào tạo với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi liên kết đào tạo trước khi tổ chức tuyển sinh; nếu cơ sở phối hợp đào tạo không đáp ứng được các yêu cầu về bảo đảm chất lượng theo quy định của học phần hoặc của chương trình đào tạo thì phải chuyển sinh viên về Trường Đại học Tân Trào để tiếp tục đào tạo theo quy định và bảo đảm quyền lợi cho sinh viên;

c) Cơ sở phối hợp đào tạo có trách nhiệm cùng Trường Đại học Tân Trào bảo đảm đủ điều kiện cơ sở vật chất thực hiện đào tạo; tham gia quản lý, giảng dạy, theo thoả thuận giữa hai bên;

d) Trường Đại học Tân Trào, cơ sở phối hợp đào tạo chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện hợp đồng liên kết đào tạo; thực hiện các quy chế về tuyển sinh, đào tạo; bảo đảm quyền lợi chính đáng cho giảng viên, sinh viên trong suốt quá trình thực hiện hoạt động đào tạo.

Chương II

LẬP KẾ HOẠCH VÀ TỔ CHỨC GIẢNG DẠY

Điều 7. Kế hoạch giảng dạy và học tập

1. Trường tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ.

a) Tuỳ thuộc chương trình đào tạo, khoá học diễn ra trong thời gian từ 3 - 5 năm.

b) Một năm học có 02 học kỳ chính, mỗi học kỳ tối thiểu 15 tuần lên lớp và 03 tuần thi, kiểm tra. Ngoài các học kỳ chính, Hiệu trưởng xem xét quyết định tổ chức thêm một kỳ học phụ để sinh viên có điều kiện được học lại, học bù, học cải thiện điểm hoặc học vượt. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi, kiểm tra.

2. Căn cứ vào danh mục chương trình đào tạo, Phòng Đào tạo lập kế hoạch (biên chế) năm học trình Hiệu trưởng phê duyệt và thông báo cho các bên liên quan trước khi bắt đầu năm học 01 tháng. Kế hoạch năm học thể hiện những mốc thời gian chính của các hoạt động đào tạo trong năm học cho tất cả hình thức, chương trình đào tạo.

3. Trên cơ sở kế hoạch năm học, các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch giảng dạy và học tập. Kế hoạch phải đảm bảo chi tiết hóa việc tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo theo năm học, học kỳ, phù hợp với hình thức đào tạo và phương thức tổ chức đào tạo của Nhà trường.

4. Phòng Đào tạo xây dựng Kế hoạch học kỳ, bao gồm: kế hoạch mở lớp, phương thức dạy và học (trực tiếp hoặc trực tuyến), lịch học, lịch thi của các học phần được tổ chức trong học kỳ cho các khoá học, chương trình đào tạo và hình thức đào tạo. Kế hoạch học kỳ phải được xây dựng và công bố kịp thời với đầy đủ thông tin cần thiết, bảo đảm thuận tiện cho sinh viên xây dựng kế hoạch học tập và đăng ký học tập.

5. Thời khoá biểu bao gồm: thời gian, địa điểm, hoạt động dạy và học của từng lớp thuộc các khoá học, hình thức và chương trình đào tạo. Thời khóa biểu của các lớp học phần bình thường được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng đối với một học phần bất kỳ không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày.

6. Tùy theo năng lực và điều kiện cụ thể mà sinh viên tự sắp xếp để rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập, trong đó thời gian kéo dài tối đa không vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá của ngành đào tạo.

Điều 8. Đăng ký nhập học

1. Sau khi có quyết định trúng tuyển, sinh viên phải nộp các giấy tờ theo quy định tại quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy hiện hành. Tất cả giấy tờ khi sinh viên nhập học phải được xếp vào túi hồ sơ của từng cá nhân do Phòng Quản lý sinh viên quản lý.

2. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, Phòng Quản lý sinh viên trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận người đến học là sinh viên chính thức của trường và cấp:

a) Thẻ sinh viên, mã số sinh viên;

b) Tài liệu hướng dẫn trong đó cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của chương trình đào tạo, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

3. Mọi thủ tục đăng ký nhập học phải được hoàn thành trong thời hạn theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành hoặc theo quy định cụ thể của Trường trong từng đợt tuyển sinh.

Điều 9. Tổ chức lớp học

1. Trường tổ chức 2 loại lớp: Lớp chuyên ngành và lớp học phần

a) Lớp chuyên ngành: Là lớp được tổ chức theo khóa tuyển sinh và theo ngành, chuyên ngành đào tạo, duy trì trong cả khóa học, có hệ thống cán bộ lớp, cán bộ đoàn và hội sinh viên. Mỗi lớp sinh viên có một cố vấn học tập.

b) Lớp học phần: Là lớp được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Dựa vào dự báo và kết quả thực tế về số lượng sinh viên đăng ký học trong mỗi học kỳ, Nhà trường có thể tổ chức nhiều lớp học (hoặc không tổ chức lớp học) cho một học phần. Số lượng sinh viên tối thiểu và tối đa cho mỗi lớp học được quy định phù hợp với tính chất của từng học phần và điều kiện thực tế của Nhà trường.

2. Quy định số lượng sinh viên tối thiểu, tối đa cho mỗi lớp học tùy theo từng loại học phần được giảng dạy trong trường như sau:

Lớp học phần học lý thuyết: tối thiểu 40, tối đa 90

Lớp học phần học ngoại ngữ: tối thiểu 40, tối đa 60

Lớp học phần tại phòng thí nghiệm, thực hành: tối thiểu 20, tối đa 30

Lớp học phần thực hành thể dục ngoài trời: tối thiểu 40, tối đa 60

Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp. Đối với lớp học phần có số sinh viên toàn khóa (hoặc liên khóa) thấp hơn quy mô tối thiểu nêu trên thì quy mô lớp học phần bằng với quy mô sinh viên toàn khóa (liên khóa) đó.

3. Đề cương chi tiết học phần và các quy định khác liên quan đến quá trình dạy học được công bố trước khi giảng dạy học phần đó.

Điều 10. Tổ chức đăng ký học tập

1. Trước mỗi năm học, Nhà trường thông báo lịch học dự kiến cho từng chương trình trong từng học kỳ, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ dạy, đề cương chi tiết, điều kiện tiên quyết của từng học phần, lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần.

2. Căn cứ danh sách học phần được mở và điều kiện đăng ký của mỗi học phần dự kiến trong kỳ học, năm học, sinh viên đăng ký lớp của các học phần dự định sẽ học trong học kỳ, gồm: những học phần mới, một số học phần chưa đạt (để học lại) và một số học phần đã đạt (để cải thiện điểm, nếu có).

Sinh viên đăng ký bằng phiếu đăng ký học tập, sổ đăng ký học tập (đã được cố vấn học tập ký duyệt) nộp tại Phòng Đào tạo để sắp xếp lớp và lưu trữ thông tin. Sinh viên đồng thời thực hiện đăng ký trên phần mềm quản lý đào tạo.

Hình thức đăng ký:

Đăng ký bình thường: Trước khi bắt đầu học kỳ mới 01 tháng.

Đăng ký muộn: Thực hiện trong 2 tuần đầu của học kỳ chính hoặc trong 01 tuần đầu của học kỳ phụ cho sinh viên xin đăng ký bổ sung học phần hoặc hủy các học phần đã đăng ký.

Sinh viên đăng ký sau khi đã kết thúc thời gian được phép đăng ký học tập theo quy định thì phải chấp nhận lịch trình học do Nhà trường quy định.

Riêng đối với 2 học kỳ đầu của mỗi khóa học, Nhà trường tổ chức đăng ký học tập đồng loạt cho các lớp chuyên ngành.

3. Mỗi sinh viên được phép đăng ký khối lượng học tập như sau:

a) Khối lượng đăng ký tối thiểu không ít hơn 2/3 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn.

b) Khối lượng đăng ký tối đa không vượt quá 3/2 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn.

c) Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ phụ.

4. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

5. Sinh viên học cùng lúc 2 chương trình được đăng ký tối đa 35 tín chỉ trong mỗi học kỳ (kể cả học phần giáo dục thể chất và quốc phòng – An ninh).

6. Sinh viên có nhu cầu học để được cấp chứng chỉ riêng cho một hoặc nhiều học phần nằm ngoài chương trình đào tạo đang học có thể đăng ký vào lớp học phần theo quy định của khoản 3 Điều này.

7. Trong thời gian thực hiện khóa luận tốt nghiệp, sinh viên vẫn có thể đăng ký thêm các học phần khác sao cho tổng số tín chỉ tối đa không vượt quá tổng số tín chỉ cho phép trong học kỳ và được giảng viên hướng dẫn cho phép.

Điều 11. Rút bớt học phần đã đăng ký

1. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký chỉ được chấp nhận đến hết tuần thứ 2 kể từ đầu học kỳ chính; đến hết tuần thứ 1 kể từ đầu học kỳ phụ. Ngoài thời hạn trên, học phần vẫn được giữ nguyên trong phiếu đăng ký học và nếu sinh viên không đi học sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F.

2. Điều kiện rút bớt các học phần đã đăng ký:

a) Sinh viên tự nguyện viết đơn gửi Phòng Đào tạo;

b) Được cố vấn học tập chấp thuận;

c) Không vi phạm khoản 3 Điều 10 của Quy định này.

Sinh viên chỉ được phép bỏ lớp đối với học phần xin rút bớt sau khi giảng viên phụ trách đã nhận giấy báo của Phòng Đào tạo.

Điều 12. Học lại

1. Sinh viên không thuộc đối tượng buộc thôi học có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm D trở lên.

2. Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

3. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này, sinh viên được quyền đăng ký học lại hoặc học đổi sang học phần khác đối với các học phần bị điểm D để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy.

4. Mức học phí đối với học phần đăng ký học lại, học cải thiện điểm gấp 1,5 lần mức học phí chính quy hiện hành (tính theo tín chỉ).

5. Thời gian đăng ký học lại cùng thời gian quy định về đăng ký học phần.

Điều 13. Tổ chức giảng dạy và học tập

1. Yêu cầu về tổ chức giảng dạy và học tập:

a) Phát huy năng lực chuyên môn và trách nhiệm nghề nghiệp của giảng viên trong hoạt động dạy học; việc phân công giảng viên giảng dạy, hướng dẫn sinh viên làm thí nghiệm, thực hành, thực tập, đồ án, khóa luận và thực hiện các hoạt động học tập khác cũng như trách nhiệm của giảng viên khi thực hiện các hoạt động này thực hiện theo quy định về chế độ làm việc của giảng viên và các quy định khác có liên quan của Trường Đại học Tân Trào;

b) Phát huy vai trò chủ động đồng thời đề cao trách nhiệm của sinh viên, tạo điều kiện và động lực để sinh viên nỗ lực học tập; giữ vững kỷ cương học đường, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo; sinh viên được tham gia các hoạt động thí nghiệm, thực hành, thực tập và các hoạt động học tập khác (hội thảo, seminar, nghiên cứu khoa học, trải nghiệm thực tế…). Khi tham gia các hoạt động này, sinh viên phải chấp hành sự quản lý, phân công của cán bộ hướng dẫn, khoa chuyên môn và các quy định của Nhà trường.

c) Phòng Thanh tra – Pháp chế, Phòng Đào tạo, Phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng, các khoa chuyên môn thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát nội bộ về hoạt động giảng dạy và học tập của giảng viên, sinh viên.

2. Dạy và học trực tuyến:

a) Nhà trường tổ chức phương thức dạy học trực tuyến trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo; có các giải pháp đảm chất lượng và minh chứng về chất lượng tổ chức lớp học theo phương thức trực tuyến không thấp hơn chất lượng lớp học theo phương thức trực tiếp;

b) Thời lượng đào tạo bằng phương pháp trực tuyến chiếm tối đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác, thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và chính quyền địa phương.

3. Kết thúc mỗi học kỳ, Phòng Khảo thí - ĐBCL thực hiện lấy ý kiến phản hồi của người học về các điều kiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả học tập đối với tất cả các lớp học, tổng hợp báo cáo Hiệu trưởng; thông báo ý kiến phản hồi của người học đến các đơn vị, cá nhân có liên quan bằng văn bản. Trên cơ sở thu thập, đánh giá ý kiến phản hồi của người học, các đơn vị có liên quan tiến hành xây dựng kế hoạch cải tiến đảm bảo chất lượng.

Chương III

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

Điều 14. Đánh giá và tính điểm học phần

1. Đối với mỗi học phần, sinh viên được đánh giá qua điểm thành phần. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10. Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết học phần.

a) Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần được tính căn cứ vào các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm:

+ A1: Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận, trọng số 10%.

+ A2: là trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, trọng số 30%. Hình thức kiểm tra thường xuyên: vấn đáp, tự luận, thực hành hoặc các hình thức khác do giảng viên quy định và phải nêu rõ trong đề cương chi tiết học phần. Số điểm kiểm tra thường xuyên được quy định tương ứng với số tín chỉ như sau: Học phần 2 tín chỉ: 01 điểm; học phần 3 tín chỉ: 02 điểm; học phần 4 hoặc 5 tín chỉ: 03 điểm.

+ A3: là điểm bài thi kết thúc học phần, trọng số 60%.

Tùy theo tính chất học phần, có thể có thêm các loại điểm chuyên môn khác được quy định rõ trong đề cương chi tiết học phần.

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

Điểm học phần = (0,1 × A1) +(0,3 × A2) + (0,6 × A3)

b) Đối với các học phần thực hành: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm các bài thực hành được tính theo thang điểm 10. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành, sau đó được chuyển sang điểm chữ theo quy định.

c) Trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh hoặc các trường hợp đặc biệt khác, nếu phải tổ chức học và thi kết thúc học phần bằng hình thức trực tuyến thì điểm đánh giá học phần sẽ được tính như sau:

Điểm học phần = (0,1 × A1) +(0,4 × A2) + (0,5 × A3)

Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi đảm bảo trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp.

2. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận, trừ bài thi kết thúc học phần.

Thời hạn nộp điểm thành phần A1, thành phần A2: Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi kết thúc giảng dạy học phần theo thời khóa biểu đã giao cho bộ môn và giảng viên dạy trong học kỳ.

3. Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân và xếp loại điểm chữ như dưới đây, trừ các trường hợp được quy định tại điểm d khoản này.

a) Loại đạt có phân mức, áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập, bao gồm:

A: từ 8,5 đến 10,0;

B^+ : từ 8 đến 8,4;

B: từ 7,0 đến 7,9;

C^+: từ 6,5 đến 6,9;

C: từ 5,5 đến 6,4;

D^+: từ 5 đến 5,4;

D: từ 4,0 đến 4,9.

b) Loại đạt không phân mức, áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập:

P: từ 5,0 trở lên.

c) Loại không đạt:

F: dưới 4,0.

Việc xếp loại ở mức điểm F còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm F.

d) Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

4. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, sinh viên bị ốm hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, nhưng phải được Trưởng khoa cho phép;

b) Sinh viên không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi vì những lý do khách quan, được Trưởng khoa chấp thuận.

Trừ các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quy định, trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, sinh viên nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển điểm.

c) Trong 2 năm liên tiếp sinh viên đều không tham gia thi hết học phần do bất kỳ lý do nào thì điểm I sẽ được chuyển thành điểm F.

Trường hợp sinh viên chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

5. Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm A, B^+, B, C^+, C, D^+, D, P trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để giúp sinh viên học vượt.

b) Những học phần được công nhận kết quả, khi sinh viên chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình đào tạo.

6. Nguyên tắc và yêu cầu trong đánh giá và tính điểm học phần:

a) Nghiêm túc, khách quan, tin cậy và trung thực;

b) Công bằng đối với tất cả sinh viên trong lớp, giữa các lớp, các khoá học và các hình thức đào tạo.

Điều 15. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

1. Cuối mỗi học kỳ, Trường tổ chức 01 kỳ thi chính và 01 kỳ thi phụ để thi kết thúc học phần. Kỳ thi phụ dành cho những sinh viên không tham dự kỳ thi chính hoặc có học phần thi không đạt yêu cầu (bị điểm F) ở kỳ thi chính. Kỳ thi phụ được tổ chức sớm nhất là 02 tuần sau kỳ thi chính.

2. Thời gian thi của các học phần, môn học theo hình thức tự luận: Học phần có khối lượng 2 tín chỉ: 60 phút; học phần có khối lượng 3 tín chỉ: 90 phút; học phần có khối lượng từ 4 tín chỉ trở lên: 120 phút. Thời gian thi theo hình thức trắc nghiệm: ít nhất 15 phút/tín chỉ.

3. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất là 2/3 ngày cho một tín chỉ. Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng phối hợp với các đơn vị chuyên môn xếp lịch thi kết thúc học phần đảm bảo thời gian cách nhau tối thiểu 1,5 ngày/học phần.

4. Tổ chức thi kết thúc học phần

Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng chủ trì phối hợp với khoa, bộ môn để tổ chức kỳ thi kết thúc học phần theo quy định.

5. Sinh viên có lý do chính đáng không thể dự thi kết thúc học phần phải làm đơn xin hoãn thi kèm theo giấy xác nhận của lãnh đạo khoa chuyên môn và của cơ quan y tế (nếu bị ốm, tai nạn). Sinh viên nộp đơn tại Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng trong vòng 01 tuần kể từ ngày thi. Khi đã được chấp nhận, sinh viên được sắp xếp thi cùng lớp khác và kết quả được tính là kết quả thi lần 1.

6. Chậm nhất 02 tuần kể từ khi kết thúc mỗi kỳ thi học phần, Phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng phải hoàn thiện điểm thi và công bố điểm trên phần mềm quản lý điểm cho sinh viên được biết. Chậm nhất 01 tuần sau khi công bố điểm thi học phần, giảng viên bộ môn phải hoàn thành Bảng điểm học phần theo mẫu quy định có đầy đủ chữ ký của giảng viên trực tiếp giảng dạy, trưởng bộ môn, trưởng khoa và nộp về Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng.

7. Thi lại, thi cải thiện điểm

a) Sinh viên có điểm học phần không đạt lần thứ nhất, được phép thi lần thứ 2 ở kỳ thi phụ.

b) Sinh viên được phép thi lại, đánh giá lại một điểm thành phần để cải thiện điểm học phần từ không đạt thành đạt; trong trường hợp này, điểm học phần sau khi thi lại, đánh giá lại chỉ được giới hạn cao nhất ở mức điểm C.

Trong trường hợp thi cải thiện điểm mà điểm thi lần sau thấp hơn lần trước thì sinh viên được chọn điểm tại lần thi có số điểm cao hơn.

Điều 16. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi; điều kiện dự thi và số lần được dự thi kết thúc học phần

1. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Việc ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng đề thi được thực hiện theo quy định của Nhà trường.

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, thi trên máy tính, thực hành hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Hình thức thi được quy định trong đề cương chi tiết học phần, nếu muốn thay đổi các khoa/bộ môn phải làm đề nghị và được sự đồng ý của lãnh đạo Nhà trường.

3. Việc chấm thi kết thúc học phần chỉ có lý thuyết và chấm tiểu luận, bài tập lớn phải do hai giảng viên đảm nhiệm và thực hiện theo các quy định hiện hành.

4. Việc chấm thi các học phần thực hành, thi vấn đáp kết thúc học phần phải do hai giảng viên thực hiện. Điểm thi được công bố công khai ngay sau mỗi buổi thi 30 phút. Trong trường hợp hai giảng viên chấm thi không thống nhất được điểm chấm thì các giảng viên chấm thi trình trưởng bộ môn hoặc trưởng khoa quyết định và công bố công khai ngay sau mỗi buổi thi không quá 60 phút.

Điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của trường, có chữ ký của cả hai giảng viên chấm thi và lập thành 02 bản. Một bản lưu tại Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng, một bản lưu tại khoa chuyên môn.

5. Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi chính - kỳ thi kết thúc học phần, nếu không được sự cho phép của khoa chuyên môn coi như đã dự thi một lần và phải nhận điểm 0 ở kỳ thi chính.

6. Sinh viên vắng mặt ở kỳ thi chính, nếu được trưởng khoa cho phép được dự thi ở kỳ thi phụ ngay sau đó (nếu có), điểm thi kết thúc học phần được coi là điểm thi ở kỳ thi chính. Trường hợp không có kỳ thi phụ những sinh viên này sẽ phải dự thi tại các kỳ thi kết thúc học phần ở các học kỳ tiếp theo.

7. Phúc khảo kết quả thi: Sinh viên có quyền nộp đơn lên Phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng để đề nghị xem xét lại kết quả điểm thi học phần trong thời gian không quá 07 ngày kể từ ngày công bố điểm. Quy trình phúc khảo thực hiện theo quy định của Nhà trường.

8. Các trường hợp không đủ điều kiện dự thi học phần:

Trước kỳ thi học phần 2 tuần, phòng Kế hoạch - Tài vụ có trách nhiệm thông báo đến các khoa danh sách sinh viên chưa hoàn thành kinh phí đào tạo. Sinh viên chưa hoàn thành kinh phí đào tạo của học kỳ thì không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần đăng ký trong học kỳ đó.

Sinh viên vắng mặt trên lớp quá 20% số tiết quy định cho một học phần hoặc chưa hoàn thành 1/3 các bài thí nghiệm, thực hành sẽ không được dự thi ở kỳ thi chính và phải nhận điểm 0. Trong trường hợp này sinh viên phải đăng ký để học, thực hành bổ sung nội dung kiến thức còn thiếu của học phần đó mới được dự thi ở kỳ thi phụ với mức kinh phí gấp 1,5 lần mức học phí tín chỉ chính quy hiện hành và sinh viên phải chịu mọi chi phí mua nguyên liệu, vật liệu... hoàn thành bài thí nghiệm, thực hành.

Điều 17. Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học

1. Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ hoặc sau từng năm học, dựa trên kết quả các học phần nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo mà sinh viên đã học và có điểm theo các tiêu chí sau đây:

a) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên không đạt trong một học kỳ, trong một năm học, hoặc nợ đọng từ đầu khoá học.

b) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên đã đạt từ đầu khóa học (số tín chỉ tích lũy), tính cả các học phần được miễn học, được công nhận tín chỉ.

c) Điểm trung bình của những học phần mà sinh viên đã học trong một học kỳ (điểm trung bình học kỳ), trong một năm học (điểm trung bình năm học) hoặc tính từ đầu khóa học (điểm trung bình tích lũy), tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó.

2. Để tính điểm trung bình, điểm chữ của học phần được quy đổi sang điểm số tương ứng theo thang từ 0 tới 4 như sau:

A: quy đổi thành 4.

B^+ : quy đổi thành 3,5.

B: quy đổi thành 3,0.

C^+: quy đổi thành 2,5.

C: quy đổi thành 2.

D^+: quy đổi thành 1,5.

D: quy đổi thành 1.

F: quy đổi thành 0.

3. Những điểm chữ không được quy định tại khoản 2 Điều này không được tính vào các điểm trung bình học kỳ, năm học hoặc tích lũy. Những học phần không nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo không được tính vào các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

4. Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy như sau:

Từ 3,6 đến 4,0: Xuất sắc;

Từ 3,2 đến cận 3,6: Giỏi;

Từ 2,5 đến cận 3,2: Khá;

Từ 2,0 đến cận 2,5: Trung bình;

Từ 1,0 đến cận 2,0: Yếu;

Dưới 1,0: Kém.

5. Sinh viên được xếp trình độ năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học (gọi tắt là N) và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn (gọi tắt là M), cụ thể như sau:

a) Trình độ năm thứ nhất: $N < M$;

b) Trình độ năm thứ hai: $M \leq N < 2M$;

c) Trình độ năm thứ ba: $2M \leq N < 3M$;

d) Trình độ năm thứ tư: $3M \leq N < 4M$;

đ) Trình độ năm thứ năm: $4M \leq N < 5M$.

Điều 18. Cách tính điểm trung bình chung

1. Để tính điểm trung bình chung học kỳ, trung bình trung năm học và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần được quy đổi qua điểm số (thang điểm 4) như khoản 2 Điều 17.

2. Điểm trung bình chung học kỳ, trung bình trung năm học và điểm trung bình chung tích lũy được làm tròn đến 2 chữ số thập phân và tính theo công thức sau:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^{n} a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^{n} n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ, trung bình trung năm học hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i là điểm của học phần thứ i

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i

n là tổng số học phần.

Điểm trung bình chung học kỳ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất.

Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để xét thôi học, xếp hạng học lực sinh viên và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi.

Điều 19. Xử lý kết quả học tập

1. Cuối mỗi học kỳ chính, sinh viên được cảnh báo học tập dựa trên một số điều kiện như sau:

a) Tổng số tín chỉ không đạt trong học kỳ vượt quá 50% khối lượng đã đăng kí học trong học kỳ, hoặc tổng số tín chỉ nợ đọng từ đầu khóa học vượt quá 24;

b) Điểm trung bình học kỳ đạt dưới 0,8 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,0 đối với các học kỳ tiếp theo;

c) Điểm trung bình tích lũy đạt dưới 1,2 đối với sinh viên trình độ năm thứ nhất, dưới 1,4 đối với sinh viên trình độ năm thứ hai, dưới 1,6 đối với sinh viên trình độ năm thứ ba dưới 1,8 đối với sinh viên các năm tiếp theo.

2. Sinh viên bị buộc thôi học trong các trường hợp sau:

a) Số lần cảnh báo kết quả học tập vượt quá 2 lần liên tiếp.

b) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại Trường quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy định này.

c) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Quy chế này hoặc bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách sinh viên của trường.

Chậm nhất 01 tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, Nhà trường thông báo về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Trường hợp tại trường hoặc tại trường khác có các chương trình đào tạo ở trình độ thấp hơn, hoặc chương trình giáo dục thường xuyên tương ứng thì những sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học được quyền xin xét chuyển qua các chương trình đó và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ khi học ở các chương trình mới này. Hiệu trưởng xem xét quyết định cho bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 20. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Kết quả học tập của người học đã tích lũy từ một trình độ đào tạo khác, một ngành đào tạo hoặc một chương trình đào tạo khác, một khóa học khác hoặc từ một cơ sở đào tạo khác được xem xét công nhận, chuyển đổi sang tín chỉ của những học phần trong chương trình đào tạo theo học.

2. Các khoa chuyên môn phối hợp với Phòng Đào tạo trên cơ sở đối sánh chuẩn đầu ra, nội dung và khối lượng học tập, cách thức đánh giá học phần và các điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện của từng chương trình để trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho phép công nhận, chuyển đổi tín chỉ theo các cấp độ sau:

a) Công nhận, chuyển đổi theo từng học phần;

b) Công nhận, chuyển đổi theo từng nhóm học phần;

c) Công nhận, chuyển đổi theo cả chương trình đào tạo.

3. Việc xem xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ thực hiện theo quy định riêng của Nhà trường trên cơ sở phải đảm bảo khối lượng tối đa được công nhận, chuyển đổi không vượt quá 50% khối lượng học tập tối thiểu của chương trình đào tạo.

Điều 21. Đồ án, khoá luận tốt nghiệp

1. Sinh viên được đăng ký làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp hoặc học thêm một số học phần chuyên môn thay thế theo quy định sau:

a) Làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp: Đồ án, khoá luận tốt nghiệp là học phần có khối lượng không quá 14 tín chỉ được quy định cụ thể trong chương trình đào tạo của từng ngành.

b) Học và thi một số học phần chuyên môn: Sinh viên không được giao làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp phải đăng ký học thêm một số học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp được quy định trong chương trình đào tạo hoặc các học phần tự chọn chuyên ngành chưa được tích lũy. Tổng số tín chỉ phải học thay thế bằng số tín chỉ đồ án, khóa luận tốt nghiệp của chương trình đào tạo đó.

2. Các quy định về làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp:

a) Điều kiện để sinh viên được đăng ký, nhận làm đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp:

Sinh viên không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên trong quá trình học tập;

Sinh viên đã tích lũy được ít nhất 70% số tín chỉ (không tính Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh) và có điểm trung bình chung tích lũy tại thời điểm xét ≥ 3,0 trở lên (đối với thang điểm 4).

b) Hình thức và thời gian làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp:

Các khoa chuyên môn căn cứ vào chương trình đào tạo đề xuất hình thức làm đồ án hay khoá luận tốt nghiệp phù hợp với chuyên ngành đào tạo.

Thời gian thực hiện đồ án, khóa luận tốt nghiệp: từ 4 – 6 tháng.

Thời điểm giao khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên phụ thuộc vào ngành đào tạo, sớm nhất là đầu học kỳ thứ 6.

Danh sách sinh viên được làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp được thông báo trước ngày 31/12 hàng năm để sinh viên có thời gian đăng ký vào các lớp học phần của học kỳ tiếp theo của khóa học.

c) Trách nhiệm của đơn vị, cá nhân có liên quan.

Các khoa có trách nhiệm lập danh sách sinh viên đăng ký và có đủ điều kiện làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp; danh sách giảng viên hướng dẫn gửi về phòng Đào tạo. Xây dựng kế hoạch, tổ chức, giám sát việc hướng dẫn sinh viên làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

Phòng Đào tạo tham mưu cho lãnh đạo Trường ra quyết định cho phép sinh viên được làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp và danh sách giảng viên hướng dẫn.

Giảng viên được phân công hướng dẫn sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên thực hiện khóa luận đúng quy định, đúng tiến độ theo Quy định của Trường.

Sinh viên có trách nhiệm chấp hành sự quản lý, phân công của giảng viên hướng dẫn và khoa chuyên môn, hoàn thành đồ án, khoá luận tốt nghiệp đảm bảo chất lượng và đúng thời gian quy định.

3. Đối với một số ngành đào tạo đòi hỏi phải dành nhiều thời gian cho thí nghiệm hoặc khảo sát để sinh viên hoàn thành đồ án, khoá luận tốt nghiệp, sẽ bố trí thời gian làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp kết hợp với thời gian thực tập chuyên môn cuối khoá.

Điều 22. Đánh giá đồ án, khoá luận tốt nghiệp

1. Kết thúc thời gian thực hiện đồ án, khóa luận tốt nghiệp, được sự đồng ý của giảng viên hướng dẫn, sinh viên phải hoàn thành đồ án, khóa luận tốt nghiệp và đóng quyển (bìa mềm) nộp cho khoa chuyên môn.

2. Trưởng khoa chuyên môn căn cứ vào điều kiện thực tế tham mưu trình Hiệu trưởng phê duyệt hình thức đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp và danh sách hội đồng chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp phù hợp với hình thức đánh giá.

a) Đánh giá theo hình thức chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp: Việc đánh giá mỗi đồ án, khóa luận tốt nghiệp phải do ít nhất 2 giảng viên đảm nhiệm.

b) Đánh giá theo hình thức bảo vệ đồ án, khóa luận tốt nghiệp: Việc đánh giá được thực hiện thông qua một hội đồng chuyên môn, bao gồm: Chủ tịch hội đồng, Thư ký và các thành viên.

c) Đánh giá theo hình thức bảo vệ đồ án, khóa luận tốt nghiệp trực tuyến: Việc đánh giá được thực hiện thông qua một hội đồng chuyên môn bao gồm: Chủ tịch Hội đồng, Thư ký và các thành viên. Diễn biến của buổi bảo vệ trực tuyến được ghi hình, ghi âm đầy đủ và lưu trữ tại khoa chuyên môn.

3. Điểm của đồ án, khóa luận tốt nghiệp là điểm trung bình cộng của các giảng viên tham gia chấm. Điểm được chấm theo thang điểm 10 và quy ra thang điểm chữ, điểm 4 theo quy định tại khoản 2, Điều 17 của Quy chế này. Điểm đồ án, khóa luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa.

4. Sinh viên có đồ án, khóa luận tốt nghiệp bị điểm F, phải đăng ký làm lại đồ án, khóa luận tốt nghiệp hoặc phải đăng ký học một số học phần chuyên môn để thay thế theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 21 quy chế này. Sinh viên có điểm đồ án, khóa luận tốt nghiệp đạt điểm D trở lên nộp 01 quyển được đóng bìa cứng về thư viện trường.

Điều 23. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp

1. Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên.

c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

d) Có đơn gửi Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

e) Nộp đầy đủ học phí, kinh phí theo quy định của Trường.

2. Sinh viên đáp ứng đủ điều kiện tại Khoản 1 Điều này được xét tốt nghiệp trong vòng 15 ngày.

Hội đồng xét tốt nghiệp tiến hành họp xét tốt nghiệp khi sinh viên có đủ các điều kiện tại Khoản 1, Điều 23.

Hội đồng xét tốt nghiệp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm Chủ tịch, Trưởng Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng làm Thư ký và các thành viên là Lãnh đạo các đơn vị khoa chuyên môn, Phòng Đào tạo, Phòng Quản lý sinh viên.

3. Những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp được Hiệu trưởng ra quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành nghĩa vụ với Nhà trường.

4. Sinh viên thuộc đối tượng hoãn công nhận tốt nghiệp, khi hết thời hạn phải có đơn xin công nhận tốt nghiệp kèm theo bản kiểm điểm đánh giá những tiến bộ của bản thân và xác nhận của địa phương nơi sinh viên về tham gia sản xuất, sinh hoạt hoặc công tác, đề nghị Hiệu trưởng xét công nhận tốt nghiệp với khóa sau. Hồ sơ xin công nhận tốt nghiệp nộp tại Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng trước ngày Nhà trường xét tốt nghiệp 01 tháng.

5. Sinh viên đã đủ điều kiện tốt nghiệp nhưng chưa muốn xét tốt nghiệp do cần kéo dài thời gian ở trong trường theo quy định tại khoản 6, Điều 7 phải viết đơn xin chưa xét tốt nghiệp và nộp tại Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng trước khi Nhà trường tổ chức xét tốt nghiệp 15 ngày.

6. Hạng tốt nghiệp được xác định căn cứ vào điểm trung bình tích lũy toàn khoá được quy định tại khoản 4 Điều 17 của Quy chế này, trong đó, hạng tốt nghiệp của sinh viên có điểm trung bình tích lũy loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Khối lượng của các học phần phải học lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;

b) Sinh viên đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

7. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm theo từng học phần. Trong bảng điểm ghi rõ chuyên ngành đào tạo, điểm chung bình tích lũy của mỗi học phần, điểm trung bình chung toàn khóa theo điểm chữ, điểm số (thang điểm 4 và thang điểm 10).

8. Sinh viên đã hết thời gian học tập tối đa theo quy định nhưng chưa đủ điều kiện tốt nghiệp do chưa hoàn thành những học phần Giáo dục Quốc phòng - An ninh hoặc Giáo dục thể chất hoặc chưa đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, công nghệ thông tin, trong thời hạn 03 năm tính từ khi thôi học được hoàn thiện các điều kiện còn thiếu và đề nghị xét công nhận tốt nghiệp.

9. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp chứng nhận về các học phần đã tích luỹ trong chương trình đào tạo của Nhà trường. Những sinh viên này nếu có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển qua các chương trình khác theo quy định tại Điều 25 của Quy định này hoặc được chuyển qua học hình thức vừa làm vừa học, đào tạo từ xa tương ứng (nếu có) của Trường nếu còn trong thời gian học tập theo quy định đối với hình thức đào tạo chuyển đến.

Chương IV

NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC ĐỐI VỚI SINH VIÊN

Điều 24. Nghỉ học tạm thời, thôi học

1. Sinh viên được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng để xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

a) Được điều động vào lực lượng vũ trang.

b) Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế.

c) Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế.

d) Vì lý do cá nhân khác nhưng phải đảm bảo đã học tối thiểu 01 học kỳ và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.

2. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy chế này.

3. Hết thời gian nghỉ học tạm thời, sinh viên muốn trở lại học tiếp tại trường, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng ít nhất một tuần trước thời gian đăng ký học phần của học kỳ.

4. Sinh viên xin thôi học vì lý do cá nhân, trừ trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật khi muốn quay trở lại học phải dự tuyển đầu vào như những thí sinh khác. Sinh viên được bảo lưu và công nhận kết quả học tập đã tích lũy theo quy định của Nhà trường.

Điều 25. Chuyển ngành, chuyển trường, chuyển hình thức học

1. Sinh viên được xem xét chuyển sang học một chương trình, một ngành đào tạo khác khi có đủ các điều kiện sau:

a) Không đang là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy định này;

b) Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo dự kiến chuyển sang trong cùng khóa tuyển sinh;

c) Nhà trường có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Được sự đồng ý của khoa nơi sinh viên chuyển đi, chuyển đến và của Hiệu trưởng.

2. Sinh viên được xem xét chuyển trường khi có đủ các điều kiện sau:

a) Không đang là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy chế này.

b) Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo cùng khóa tuyển sinh tại nơi chuyển đến.

c) Nơi chuyển đến có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

d) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.

3. Sinh viên được xem xét chuyển từ đào tạo theo hình thức chính quy sang hình thức vừa làm vừa học hoặc đào tạo từ xa (nếu có) của Trường Đại học Tân Trào nếu còn đủ thời gian học tập theo quy định đối với hình thức chuyển đến.

4. Thủ tục:

a) Sinh viên xin chuyển ngành, chuyển trường, chuyển hình thức học phải viết đơn xin Hiệu trưởng cho phép chuyển ngành, chuyển trường, chuyển hình thức học và làm hồ sơ theo quy định của Nhà trường thông qua Phòng Đào tạo.

b) Sau khi nhận được hồ sơ xin chuyển ngành, chuyển trường, chuyển hình thức học của sinh viên, Phòng Đào tạo kiểm tra hồ sơ của sinh viên, trình Hiệu trưởng ra quyết định nếu sinh viên đủ các điều kiện theo quy định.

c) Hiệu trưởng quyết định cho phép hay không cho phép sinh viên chuyển ngành học, chuyển hình thức học; chuyển trường (bao gồm chuyển đi và chuyển đến); công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình của nơi chuyển đi và nơi chuyển đến.

Điều 26. Trao đổi sinh viên và hợp tác trong đào tạo

1. Trao đổi sinh viên là việc cho phép sinh viên của Trường Đại học Tân Trào được học một số học phần tại trường đại học khác và ngược lại trên cơ sở quy định về việc công nhận lẫn nhau về quy trình đào tạo, nội dung đào tạo và giá trị của tín chỉ.

2. Sinh viên có thể đăng ký thực hiện học một số học phần tại trường khác, nếu được Hiệu trưởng của hai trường đồng ý.

3. Việc đánh giá và công nhận lẫn nhau số lượng tín chỉ mà sinh viên tích lũy tại cơ sở phối hợp đào tạo không vượt quá 25% tổng khối lượng của chương trình đào tạo.

4. Điều kiện trao đổi sinh viên, hợp tác đào tạo, việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho sinh viên thực hiện theo quy định về trao đổi sinh viên và hợp tác đào tạo của Trường Đại học Tân Trào.

Điều 27. Học cùng lúc hai chương trình

1. Sinh viên học cùng lúc hai chương trình là sinh viên có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng. Sinh viên có thể đăng ký học thêm các học phần của một chương trình khác, ngành khác theo quy định của Nhà trường, nhưng chỉ được hưởng các quyền lợi chính thức và được xem xét công nhận tốt nghiệp chương trình thứ hai khi đã đăng ký thành công học chương trình thứ hai theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Tại thời điểm đăng ký, sinh viên phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Sinh viên đăng ký ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất.

b) Sinh viên được xếp trình độ năm thứ hai của chương trình thứ nhất trở lên.

c) Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên và đáp ứng ngưỡng bảo đảm chất lượng của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh hoặc học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại trung bình và đáp ứng điều kiện trúng tuyển của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh.

d) Không nợ học phí.

3. Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình tích luỹ của chương trình thứ nhất đạt dưới điểm trung bình hoặc thuộc diện cảnh báo kết quả học tập thì phải dừng học chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

4. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được công nhận kết quả của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

5. Việc xét kết quả học tập của sinh viên (cảnh báo học tập, xét học bổng …) chỉ sử dụng kết quả học tập của các học phần thuộc chương trình đào tạo thứ nhất. Điểm các học phần riêng của chương trình đào tạo thứ hai không dùng để tính điểm trung bình chung học kỳ, trung bình chung tích lũy hoặc bảo lưu điểm cho chương trình đào tạo thứ nhất mà chỉ dùng để tính điểm trung bình chung tích lũy cho chương trình đào tạo thứ 2. Không áp dụng chế độ miễn giảm học phí, chế độ học bổng đối với sinh viên đang học chương trình đào tạo thứ hai.

6. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất và đã đăng kí muộn nhất 02 năm trước thời điểm xét tốt nghiệp chương trình thứ hai.

Điều 28. Đào tạo liên thông

1. Đào tạo liên thông là biện pháp tổ chức đào tạo trong đó người học được sử dụng kết quả học tập đã có để học tiếp ở trình độ cao hơn cùng ngành đào tạo hoặc khi chuyển sang ngành đào tạo hay trình độ đào tạo khác. Đào tạo liên thông được tổ chức theo hình thức chính quy hoặc vừa làm vừa học.

2. Người học đã tốt nghiệp các trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học được dự tuyển và học liên thông lên trình độ đại học theo quy định hiện hành của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học Tân Trào.

3. Người dự tuyển liên thông phải bảo đảm các điều kiện theo quy định hiện hành về tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo và có một trong các văn bằng dưới đây:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp hoặc bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng, đại học do các cơ sở đào tạo trong nước cấp. Người có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp phải bảo đảm đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp hoặc bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng, đại học do các cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Đối với đào tạo liên thông khối ngành sức khỏe, người đăng ký dự tuyển phải có bằng tốt nghiệp trung cấp hoặc bằng tốt nghiệp cao đẳng khối ngành sức khỏe đúng chuyên ngành. Ngoài ra, người có bằng tốt nghiệp Y sĩ được đăng ký dự tuyển liên thông lên trình độ đại học các ngành Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng Hàm Mặt; người có bằng tốt nghiệp trung cấp hoặc bằng tốt nghiệp cao đẳng khối ngành sức khỏe nếu có chứng chỉ điều dưỡng viên sẽ được học liên thông lên đại học Điều dưỡng.

4. Người học liên thông thực hiện chương trình đào tạo và đăng ký học tập theo kế hoạch chung như các sinh viên khác cùng hình thức đào tạo. Trên cơ sở công nhận và chuyển đổi tín chỉ, sinh viên được miễn trừ các học phần tương ứng với những khối lượng học tập đã tích lũy theo quy định tại Điều 20 của Quy chế này.

5. Tuyển sinh liên thông

a) Tuyển sinh liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học được thực hiện theo các phương thức thi tuyển hoặc xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển với xét tuyển do Hiệu trưởng quyết định theo quy định hiện hành về tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Đối với kỳ thi thi tuyển sinh liên thông riêng do Trường Đại học Tân Trào tự ra đề thi và tổ chức thi tuyển, các môn thi tuyển sinh liên thông riêng bao gồm: môn cơ bản, môn cơ sở ngành và môn chuyên ngành hoặc thực hành nghề. Việc tổ chức tuyển sinh, xét tuyển và triệu tập thí sinh trúng tuyển thực hiện theo quy định hiện hành về tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định hiện hành.

6. Chương trình đào tạo và tổ chức đào tạo liên thông

a) Chương trình đào tạo liên thông trình độ đại học hình thức chính quy là chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy đang áp dụng tại Trường. Chương trình đào tạo liên thông trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học là chương trình đào tạo trình độ đại học vừa làm vừa học đang áp dụng tại Trường.

b) Người học chương trình đào tạo liên thông trình độ đại học hình thức chính quy được học các tín chỉ và thực hiện các quy định khác trong quá trình học tập cùng với sinh viên chính quy và người học chương trình đào tạo liên thông trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học được học và thực hiện các quy định khác trong quá trình học tập cùng với sinh viên vừa làm vừa học tương ứng.

c) Trên cơ sở đối chiếu, so sánh về chuẩn đầu ra, nội dung chương trình đào tạo, khối lượng học tập, phương pháp đánh giá và kết quả học tập của người học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp hoặc trình độ cao đẳng, đại học với chương trình đào tạo đại học hiện hành của Trường Đại học Tân Trào, Hiệu trưởng quyết định công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng được miễn đối với người học liên thông theo quy định hiện hành của Nhà trường.

7. Văn bằng tốt nghiệp và bảng điểm

a) Người học liên thông sau khi kết thúc chương trình đào tạo, nếu đủ điều kiện theo quy định thì được công nhận tốt nghiệp và được cấp bằng tốt nghiệp đại học phù hợp với trình độ đào tạo.

b) Bảng điểm của người học liên thông phải ghi đầy đủ kết quả học tập trong thời gian đào tạo liên thông và các môn học, học phần cùng số tín chỉ (hay đơn vị học trình) của trình độ trước đã được Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào công nhận.

Chương V

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 29. Xử lý vi phạm đối với sinh viên

1. Sinh viên có gian lận trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm theo các quy định của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên thi hộ hoặc nhờ người thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 01 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Người học sử dụng hồ sơ, văn bằng, chứng chỉ giả làm điều kiện trúng tuyển hoặc điều kiện tốt nghiệp sẽ bị buộc thôi học; văn bằng tốt nghiệp nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, huỷ bỏ.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 30. Trách nhiệm của các đơn vị trong việc xây dựng và thực hiện quy định của Nhà trường

1. Phòng Đào tạo:

a) Tham mưu ban hành các quyết định tổ chức đào tạo chính quy, vừa làm vừa học, liên kết đào tạo, đào tạo liên thông (nếu có) bảo đảm đầy đủ các yêu cầu theo Quy chế này; trong đó phải ghi rõ tên ngành, hình thức đào tạo, đối tượng, chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh, địa điểm đào tạo, cơ sở phối hợp đào tạo và các thông tin khác có liên quan;

b) Chủ trì xây dựng, tham mưu ban hành và tổ chức thực hiện các quy trình, thủ tục có liên quan đến quá trình học tập của sinh viên tại trường như: bảo lưu kết quả học tập, chuyển ngành, chuyển trường, …theo Quy chế này.

c) Thực hiện báo cáo giải trình theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Phòng Quản lý sinh viên:

a) Tổ chức phổ biến cho sinh viên quy định của Nhà trường và các quy định liên quan đến quá trình học tập, các quy định về nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên ngay đầu khóa học;

b) Chủ trì xây dựng, tham mưu ban hành và tổ chức thực hiện các quy trình, thủ tục có liên quan đến quá trình học tập của sinh viên tại trường như: nhập học, phân lớp, quản lý hồ sơ sinh viên, cho sinh viên thôi học…

3. Phòng Khảo Thí – Đảm bảo chất lượng: Chủ trì xây dựng, tham mưu ban hành và tổ chức thực hiện các quy định, quy trình, thủ tục có liên quan đến công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá học phần, phúc khảo điểm thi, xét công nhận tốt nghiệp theo Quy chế này.

4. Phòng Thanh tra – Pháp chế: Tổ chức kiểm tra, thanh tra nội bộ việc thực hiện kế hoạch, các hoạt động đào tạo và các nhiệm vụ khác của các cá nhân, đơn vị có liên quan theo Quy chế này.

5. Các khoa chuyên môn: tổ chức thực hiện, quản lý hoạt động giảng dạy và học tập theo quy định của Nhà trường.

6. Các đơn vị khác: Thực hiện quy chế này theo chức năng nhiệm vụ được giao.

Điều 31. Chế độ báo cáo, lưu trữ, công khai thông tin

1. Trước ngày 31 tháng 12 hàng năm:

a) Báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo và cơ quan quản lý trực tiếp về số liệu sinh viên tuyển mới, tốt nghiệp, thôi học và đang học trong năm, dự kiến tốt nghiệp trong

năm sau, tốt nghiệp đã có việc làm trong thời gian 12 tháng; phân loại theo đối tượng đầu vào, ngành đào tạo, khóa đào tạo và hình thức đào tạo;

b) Báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi liên kết đào tạo về tình hình tuyển sinh và đào tạo tại địa phương.

2. Thực hiện lưu trữ, bảo quản an toàn các tài liệu liên quan tới công tác đào tạo theo các quy định do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

a) Quyết định trúng tuyển, bảng điểm gốc, quyết định công nhận tốt nghiệp, sổ gốc cấp phát bằng tốt nghiệp cho sinh viên là tài liệu lưu trữ được bảo quản vĩnh viễn tại Phòng Đào tạo.

b) Tài liệu khác liên quan đến tuyển sinh, đào tạo được lưu trữ, bảo quản trong suốt quá trình đào tạo.

c) Việc tiêu hủy tài liệu liên quan tuyển sinh, đào tạo hết thời gian lưu trữ được thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

3. Thực hiện công khai trên Website của Nhà trường chậm nhất 45 ngày trước khi tổ chức đào tạo:

a) Các văn bản, quy định quản lý hoạt động đào tạo của Nhà trường.

b) Quyết định mở ngành và các quyết định nêu tại điểm b khoản 1 Điều 31 đối với chương trình sẽ tổ chức đào tạo.

c) Các điều kiện bảo đảm chất lượng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

d) Các minh chứng về việc các chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

đ) Thông báo tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

e) Các minh chứng về việc đáp ứng các yêu cầu tối thiểu đối với liên kết đào tạo vừa làm vừa học theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 6 của Quy chế này.